

Bản tin

# TIÊU ĐIỂM NGÀNH HÀNG

Phát hành ngày 03/11/2023



# MỤC LỤC

Trang

NGÀNH NGÂN HÀNG	2
NGÀNH CHỨNG KHOÁN	4
NGÀNH BẢO HIỂM	5
NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN DÂN CƯ, THƯƠNG MẠI	6
NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN KHU CÔNG NGHIỆP	8
NGÀNH XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG	9
NGÀNH THÉP	10
NGÀNH DẦU KHÍ	12
NGÀNH ĐIỆN	14
NGÀNH THAN	16
NGÀNH DỆT MAY	17
NGÀNH THỦY SẢN	18
NGÀNH CHĂN NUÔI	19
NGÀNH BÁN LẺ	19
NGÀNH DƯỢC	21
NGÀNH GẠO	21
NGÀNH PHÂN BÓN	22
NGÀNH CẢNG – VẬN TẢI BIỂN	22
NGÀNH NƯỚC	24
SỐ LIỆU THỊ TRƯỜNG	25

## NGÀNH NGÂN HÀNG

- ✓ **Lãi suất liên ngân hàng giảm hơn 2 điểm % chỉ trong 1 tuần.** Theo số liệu mới nhất được NHNN công bố, lãi suất VND bình quân liên ngân hàng tại kỳ hạn qua đêm (kỳ hạn chính chiếm hơn 90% giá trị giao dịch) trong phiên 31/10 đã giảm về còn 0,81% từ mức 0,96% ghi nhận vào phiên trước đó. Đây là phiên giảm thứ năm liên tiếp của lãi suất qua đêm, sau khi tăng mạnh lên 2,84% trong phiên 24/10. Như vậy, chỉ trong vòng 1 tuần, lãi suất qua đêm liên ngân hàng đã giảm hơn 2 điểm %. Dù vậy, mức lãi suất này vẫn cao hơn nhiều so với cuối tháng 9 (0,19%). Cùng với kỳ hạn qua đêm, lãi suất các kỳ hạn chủ chốt như 1 tuần, 2 tuần và 1 tháng cũng đều giảm mạnh trong những phiên giao dịch cuối tháng 10.
- ✓ Theo số liệu tổng hợp từ báo cáo tài chính hợp nhất của 27 ngân hàng niêm yết và giao dịch trên thị trường, tổng dư nợ cho vay khách hàng đến cuối tháng 9 đạt hơn 9,316 triệu tỷ đồng, tăng 786.755 tỷ đồng (tương đương tăng 9,2%) so với cuối năm 2022. Con số này cao hơn số tăng trưởng tín dụng toàn ngành là 6,92% ytd. Trong đó:
  - Xét theo quy mô, các ngân hàng tăng tín dụng nhiều nhất bao gồm: BID (131.230 tỷ đồng), CTG (111.458 tỷ đồng), VPB (83.228 tỷ đồng), MBB (75.727 tỷ đồng), TCB (55.082 tỷ đồng)
  - Xét theo tốc độ tăng trưởng, các ngân hàng tăng tín dụng nhiều nhất bao gồm: VPB (19%), MSB (17,1%), MBB (16,4%), TCB (13,1%), VBB (12%).

### Tin tức doanh nghiệp:

- ✓ **VCB:** Lũy kế 9 tháng năm 2023, LNTT của ngân hàng này đạt hơn 29.500 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính đến hết ngày 30/9, tỷ lệ nợ xấu của Vietcombank chỉ ở mức 1,21% với tổng nợ xấu là hơn 14.394 tỷ đồng. Tuy nhiên, số nợ xấu đã tăng 84% so với hồi cuối năm 2022 (hơn 7.820 tỷ đồng). Trong đó, nợ có khả năng mất vốn giảm 14% so với cuối năm ngoái.
- ✓ **BID:** BIDV ghi nhận LNTT quý 3/2023 đạt 5.893 tỷ đồng, giảm 11,7% so với quý 3/2022. Lũy kế 9 tháng, LNTT nhà băng đạt 19.763 tỷ đồng, tăng 11,8% so với cùng kỳ và đứng thứ 3 trong hệ thống, sau Vietcombank và MB. Tại ngày 30/9/2023, tổng tài sản BIDV đạt hơn 2,13 triệu tỷ đồng, tăng 0,6% so với đầu năm. Dư nợ cho vay khách hàng tăng 8,6% lên hơn 1,65 triệu tỷ đồng. Tiền gửi khách hàng tăng 7,5%, đạt hơn 1,58 triệu tỷ đồng. Nợ xấu cuối quý 3/2023 của BIDV ở mức 26.394 tỷ đồng, tăng 49,8% so với đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ cho vay tăng từ 1,16% (cuối năm 2022) lên 1,6% (cuối quý 3/2023).
- ✓ **CTG:** Vietinbank ghi nhận thu nhập lãi thuần tăng 9,8% so với cùng kỳ đạt hơn 38.500 tỷ đồng từ đó tạo tiền đề cho LNTT hợp nhất 9 tháng đạt hơn 17.400 tỷ đồng (+9% svck). Trong 9T/2023, VietinBank đã dành 20.642 tỷ đồng để dự phòng rủi ro tín dụng, tăng 11%. Tính đến 30/9/2023, tổng tài sản của VietinBank tăng 4,4% đạt hơn 1,88 triệu tỷ đồng, trong đó cho vay khách hàng tăng 8,7% đạt hơn 1,38 triệu tỷ đồng. Về chất lượng tài sản, nợ xấu của VietinBank tăng gần 20% từ 15.801 tỷ đồng cuối năm trước lên 18.941 tỷ đồng vào cuối quý 3/2023, đưa tỷ lệ nợ xấu tương ứng từ 1,24% lên 1,37%, vẫn ở mức thấp so với mặt bằng chung các ngân hàng hiện nay.
- ✓ **VPB:** VPBank ghi nhận 3.076 tỷ đồng LNTT ngân hàng mẹ trong quý III/2023, giảm 36%; lũy kế 9 tháng đầu năm 2023 đạt 10.973 tỷ đồng, giảm 45% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, dư nợ tín dụng của ngân hàng mẹ đến cuối quý III/2023 đạt trên 488.000 tỷ đồng, tăng hơn 22% so với đầu năm, trong khi mức tăng trung bình toàn ngành là 6,9%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất lũy kế 9 tháng sụt giảm mạnh 58,3% khi chỉ đạt hơn 8.279 tỷ đồng tới từ việc FE Credit tiếp tục ghi nhận lỗ trong thời gian qua.

- ✓ **MBB:** ghi nhận LNTT hợp nhất quý3/2023 đạt 7.284 tỷ đồng, tăng 15,7% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng, lợi nhuận nhà băng đạt 20.018 tỷ, tăng 10% so với 9 tháng đầu năm 2022. Tại ngày 30/9/2023, tổng tài sản MB đạt 815.881 tỷ đồng, tăng 12% so với đầu năm. Dư nợ cho vay khách hàng tăng 16,4%, đạt 536.302 tỷ đồng. Tiền gửi khách hàng tăng 8,1% đạt 479.733 tỷ đồng. Nợ xấu MB hợp nhất cuối tháng 9 là 10.111 tỷ đồng, tăng 101% so với đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ cho vay khách hàng tăng từ 1,09% đầu năm nay lên 1,89% cuối quý 3. MB vẫn tiếp tục là ngân hàng có tỷ lệ CASA (tiền gửi không kỳ hạn cao nhất hệ thống). Tỷ lệ này đạt 36% tại ngày 30/9/2023, giảm nhẹ so với mức 37% hồi cuối quý 2.
- ✓ **HDB:** Lũy kế 9 tháng, tổng thu nhập vượt 18.156 tỷ đồng, tăng 12,8% cùng kỳ 2022; thu nhập lãi thuần tăng 12,5%, thu nhập ngoài lãi tăng 14,1% cùng kỳ. LNTT đạt 8.632 tỷ đồng, tăng 7,7% so với cùng kỳ. Tỷ lệ ROE đạt 22,4%, ROA đạt 2%. Đến ngày 30/9, tổng tài sản cán mốc 508.263 tỷ đồng, tăng 22,1% so với đầu năm. Tổng huy động vốn đạt 448.225 tỷ đồng, tăng 22,4% so với đầu năm; trong đó huy động từ khách hàng đạt 341.713 tỷ đồng, tăng 51,5% so với đầu năm. Tổng dư nợ hợp nhất đạt 299.081 tỷ đồng, tăng hơn 11,5% so đầu năm. Dư nợ ngân hàng mẹ vượt 284.040 tỷ đồng, tăng trên 13%, cao hơn tốc độ tăng chung của toàn ngành. Tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ ngày 30/9 là 1,96% (trước phân loại CIC ở mức 1,51%). Cũng theo lãnh đạo nhà băng, HDBank đã tiên phong hoàn tất áp dụng Basel III trong quý III, duy trì tỷ lệ CAR đạt 12,3%, cao hơn mức tối thiểu 8% theo quy định và thuộc nhóm cao trong ngành.

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH NGÂN HÀNG**

STT	MÃ CK	QUÝ 3/2023				9T/2023			
		TOI	%YOY	LNTT	%YOY	TOI	%YOY	LNTT	%YOY
1	VCB	15.777	-5,6%	9.051	-16,4%	51.765	-4,5%	29.550	-15,6%
2	MBB	12.065	9,8%	7.284	-13,6%	35.556	-4,8%	20.019	-9,1%
3	BID	17.887	1,9%	5.893	13,2%	52.422	-1,0%	19.763	-10,6%
4	CTG	17.393	0,4%	4.871	-14,7%	52.183	-9,3%	17.401	-9,4%
5	TCB	10.418	0,8%	5.843	14,9%	29.044	8,4%	17.115	21,7%
6	ACB	8.424	18,8%	5.035	-11,1%	24.368	-14,4%	15.024	-10,1%
7	HDB	6.085	12,8%	3.147	-13,8%	18.156	-11,3%	8.632	-7,1%
8	SHB	4.591	-13,7%	2.425	34,3%	15.883	-7,7%	8.510	6,2%
9	VIB	6.024	30,2%	2.683	4,0%	16.318	-18,1%	8.325	-6,1%
10	VPB	11.262	-16,4%	3.117	44,8%	36.402	23,7%	8.279	139,6%
11	STB	5.927	-16,0%	2.085	-26,5%	19.465	-5,9%	6.840	-35,1%
12	MSB	3.171	11,7%	1.675	-11,1%	9.567	-16,1%	5.223	-7,6%
13	TPB	4.214	11,9%	1.576	35,7%	11.790	1,4%	4.959	19,5%
14	OCB	2.468	19,2%	1.355	-32,9%	6.921	-15,0%	3.915	-32,3%
15	LPB	3.114	-9,9%	1.241	-0,6%	9.134	14,8%	3.687	30,8%
16	SSB	2.368	5,1%	1.140	6,2%	6.585	10,6%	3.156	27,3%
17	NAB	1.377	-8,4%	522	31,0%	4.891	-16,7%	2.047	-9,4%
18	EIB	1.235	-26,7%	307	316,4%	4.383	22,6%	1.712	85,8%
19	ABB	820	-12,4%	30	190,9%	3.403	10,0%	708	146,8%
20	KLB	699	0,1%	237	-30,4%	2.023	-6,7%	639	-19,7%
21	VAB	332	-16,3%	63	202,6%	1.328	4,9%	592	36,7%

22	BAB	512	-33,4%	77	268,4%	1.910	-2,5%	551	29,8%
23	VBB	418	-25,2%	50	198,6%	1.549	12,3%	419	28,0%
24	PGB	302	-23,1%	57	150,5%	1.058	3,3%	360	7,5%
25	SGB	229	-3,3%	65	-7,0%	762	5,8%	248	-4,8%
26	BVB	458	-11,6%	22	216,4%	1.242	20,5%	61	588,7%
27	NVB	120	95,9%	- 244	N/A	729	5,9%	- 231	N/A
<b>Tổng cộng</b>		<b>137.693</b>	<b>-0,2%</b>	<b>59.605</b>	<b>2,1%</b>	<b>418.838</b>	<b>-1,6%</b>	<b>187.506</b>	<b>-2,6%</b>

Nguồn: FinProX, ABS Research

## NGÀNH CHỨNG KHOÁN

### Tin tức doanh nghiệp:

- ✓ Ngành chứng khoán được ghi nhận là ngành có KQKD tăng trưởng mạnh nhất trong 9T2023 với tăng trưởng 104,2% so với cùng kỳ. Các mảng kinh doanh đều ghi nhận sự cải thiện nhờ thị trường tốt lên về thanh khoản và điểm số. Trong đó, mảng hồi phục mạnh nhất là tự doanh cùng với doanh thu môi giới và cho vay ký quỹ đều chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu.
- ✓ Đây cũng là lần đầu tiên sau hơn một năm thị trường ghi nhận tới 6 công ty chứng khoán có dư nợ cho vay margin trên 10.000 tỉ đồng. VNDIRECT và HSC đã trở lại danh sách, trong khi Mirae Asset, SSI, TCBS và VPS tiếp tục duy trì mức dư nợ cho vay trên 10.000 tỉ đồng.

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH CHỨNG KHOÁN**

STT	MÃ CK	QUÝ 3/2023				9T/2023			
		DT	%YOY	LNST	%YOY	DTT	%YOY	LNST	%YOY
1	SSI	1.941	44,0%	710	111,1%	5.111	2,53%	1.464	21,6%
2	VND	1.759	28,7%	639	1409,7%	4.654	-4,93%	1.259	-4,4%
3	VIX	323	77,2%	199	126,1%	1.283	35,01%	415	87,0%
4	HCM	824	8,5%	214	29,7%	2.042	-32,28%	727	-31,9%
5	MBS	539	25,4%	166	37,2%	1.276	-17,80%	442	-6,9%
6	FTS	325	497,4%	184	-405,8%	763	20,55%	228	76,9%
7	SHS	484	62,4%	199	125,3%	1.469	57,64%	20	1802,0%
8	VCI	667	27,8%	179	45,9%	1.667	-29,38%	841	-56,1%
9	BSI	386	52,0%	123	552,7%	990	17,60%	96	257,8%
10	VDS	253	35,6%	95	332,8%	584	-6,79%	-120	N/A
11	TVS	352	39,6%	62	242,4%	985	41,83%	38	501,9%
12	ORS	630	14,6%	59	-15,9%	2.251	11,29%	163	4,0%
13	CTS	256	77,7%	68	410,3%	834	22,54%	74	108,3%
14	BVS	227	40,2%	37	-4,1%	602	-6,78%	102	40,0%
15	BMS	89	-1,6%	30	97,3%	285	-32,09%	-16	N/A
16	AGR	100	18,3%	27	-11,5%	272	-0,20%	102	10,1%
17	APG	38	5,2%	-6	N/A	224	23,72%	-48	N/A

18	DSC	123	190,0%	39	354,8%	317	215,72%	18	420,7%
19	AAS	152	-53,8%	24	-71,7%	551	-43,22%	290	-71,1%
20	VFS	47	99,6%	21	106,1%	182	60,01%	46	41,9%
21	ABW	95	11,7%	28	3,3%	222	-20,06%	78	-25,1%
22	TCI	56	27,9%	21	48,9%	131	-21,40%	68	-21,1%
23	EVS	137	56,2%	58	-139,6%	262	-64,46%	-4	N/A
24	HAC	27	20,6%	6	-58,5%	82	48,66%	-51	N/A
25	PSI	78	-41,1%	9	-4,4%	227	-34,96%	21	34,1%
26	TVB	31	64,4%	21	-441,6%	69	-45,80%	34	-16,3%
27	IVS	22	46,2%	8	121,7%	61	5,79%	19	28,3%
28	VIG	7	72,7%	2	729,1%	28	-43,19%	2	866,7%
29	WSS	5	103,4%	-0	N/A	54	27,08%	-21	N/A
30	HBS	10	317,6%	5	235,7%	27	79,86%	4	287,7%
31	SBS	42	37,8%	3	-1741,1%	98	-7,52%	4	43,2%
32	CSI	3	-46,6%	-4	N/A	9	-40,89%	0	-2699,9%
33	VUA	7	-43,4%	0	-99,4%	18	-79,93%	11	-698,2%
34	APS	46	-74,2%	-32	N/A	407	19,94%	-296	N/A
<b>Tổng cộng</b>		<b>10.080</b>	<b>30,0%</b>	<b>3.192</b>	<b>200,7%</b>	<b>28.036</b>	<b>-4,4%</b>	<b>6.008</b>	<b>29,3%</b>

Nguồn: FinProX, ABS Research

## NGÀNH BẢO HIỂM

- ✓ Theo Tổng cục Thống kê, tổng doanh thu phí bảo hiểm Q3/2023 ước đạt 52.900 tỷ đồng (-10,4% svck). Tính chung 9 tháng năm 2023, tổng doanh thu phí bảo hiểm ước đạt hơn 165.000 tỷ đồng (-6,9% svck). Trong đó, doanh thu phí lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 52.200 tỷ đồng (+2,6% svck), lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ ước đạt 113.400 tỷ đồng (-10,7% svck).
- ✓ Tổng tài sản thị trường bảo hiểm ước đạt hơn 890 tỷ đồng (+14,4% svck). Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tăng 12,9% so với cùng kỳ năm 2022.

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH BẢO HIỂM**

STT	Mã CK	Q3/2023				9T/2023			
		DTHĐ	%svck	LNTT	%svck	DTHĐ	%svck	LNTT	%svck
1	ABI	467.8	-5%	56.9	-18.1%	1,445.0	2.0%	212.3	25.8%
2	AIC	441.9	-8%	6.2	-124.5%	1,351.3	-20.4%	13.3	41.7%
3	BIC	917.5	33%	106.0	82.6%	2,604.7	35.0%	329.3	79.9%
4	BLI	294.1	4%	28.1	-47.9%	923.3	9.3%	68.2	-47.6%
5	BMI	1,156.9	-1%	106.4	27.1%	3,473.7	7.2%	254.3	13.7%
6	BVH	9,726.3	-3%	460.3	12.7%	29,464.0	-2.1%	1,428.0	14.3%
7	MIG	757.7	-15%	42.5	-16.2%	2,629.8	3.6%	170.9	26.6%
8	PGI	728.7	16%	41.1	130.3%	2,330.9	5.1%	192.2	18.4%

9	PRE	390.4	15%	49.2	256%	1,134.8	16%	121.5	24%
10	PTI	1075.6	10%	38.7	-123%	3,732.2	-3%	124.3	-136%
11	PVI	1773.0	12%	303.8	11%	5,022.5	11%	898.3	28%
12	VNR	409.9	6%	53.2	-26%	1,332.8	14%	370.9	47%
<b>Tổng</b>		<b>18,139.8</b>		<b>1,292.5</b>		<b>55,444.9</b>		<b>4,183.6</b>	

Nguồn: FiinProX, ABS Research

## Tin doanh nghiệp

- ✓ **PVI:** Lũy kế 9 tháng năm 2023, doanh thu thuần của PVI ghi nhận 5.022,5 tỷ đồng, tăng nhẹ 8,1% so với cùng kỳ. lợi nhuận sau thuế của PVI đạt 898,3 tỷ đồng, tăng 27,7% so với năm ngoái. Như vậy, sau 9 tháng, công ty đã hoàn thành 37,1% kế hoạch doanh thu và vượt 113,3% kế hoạch lợi nhuận năm.
  - Doanh thu **bảo hiểm** gốc 9 tháng đầu năm 2023 đạt 8.397 tỷ đồng, tăng trưởng 11% so với cùng kỳ năm 2022, hoàn thành 85% KH năm.
  - Doanh thu hoạt động **tái bảo hiểm** đạt 2.220 tỷ đồng, tăng trưởng 6,8% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 93% KH năm.
- ✓ **BVH:** Sau 9 tháng đầu năm, lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất lần lượt đạt 1.712 và 1.428 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 10,2% và 14,3% so với cùng kỳ năm 2022. Tổng doanh thu hợp nhất đạt 29.464 tỷ đồng, giảm nhẹ 2,1% so với cùng kỳ. Tính theo lĩnh vực kinh doanh:
  - Lĩnh vực **bảo hiểm phi nhân thọ** đạt 8.575 tỷ đồng tổng doanh thu.
  - Tại lĩnh vực kinh doanh **bảo hiểm nhân thọ**, Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ kết thúc 9 tháng đầu năm 2023 với mức tăng trưởng tổng doanh thu khả quan 8,5%, đạt 33.170 tỷ đồng.
  - Trong khi đó, ở lĩnh vực **chứng khoán**, sau 9 tháng đầu năm 2023, Công ty Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đạt 564 tỷ đồng doanh thu và đạt 113 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế
- ✓ **BIC:** Lũy kế 9 tháng, hoạt động kinh doanh bảo hiểm của BIC có doanh thu thuần tăng 35% so với cùng kỳ, đạt gần 1.929 tỷ đồng, chủ yếu do doanh thu phí bảo hiểm gốc (3.651 tỷ đồng) tăng 31% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 329,3 tỷ đồng (+80% svck). Như vậy, Công ty thực hiện được 86% mục tiêu lợi nhuận sau 9 tháng.
- ✓ **BMI:** Sau 9 tháng đầu năm, BMI ghi nhận lợi nhuận ròng hơn 254 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ. Kết quả có được không đến từ hoạt động cốt lõi là kinh doanh bảo hiểm mà nhờ hoạt động tài chính (đạt 240 tỷ lợi nhuận, +60% svck) và bất động sản đầu tư (đạt 6 tỷ, +22% svck). Doanh thu thuần ghi nhận 3.474 tỷ đồng (+7% svck).

## NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN DÂN CƯ, THƯƠNG MẠI

### Tin tức doanh nghiệp

- ✓ **Cập nhật kết quả kinh doanh Q3/2023.** Trong tuần, các doanh nghiệp đã hoàn tất công bố KQKD Q3, nhìn chung doanh thu Q3/2023 của cả ngành tăng 30,8% so với cùng kỳ và lũy kế 9T/2023 doanh thu tăng thuần tăng 62,5% so với cùng kỳ năm 2022. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế Q3/2023 toàn ngành giảm 39% trong khi lũy kế 9T/2023 gần như không thay đổi so với cùng kỳ năm 2022 khi tăng 0,1%. Như đã cập nhật trong báo cáo tuần trước, đóng góp chính vào sự khởi sắc trong

kết quả kinh doanh của ngành là nhóm cổ phiếu họ Vin (VIC, VHM, VRE) hay PDR, nhóm có kết quả kinh doanh kém khả quan tiêu biểu bao gồm NLG, VPI hay HDC.

- Cập nhật tuần vừa qua, nhóm các doanh nghiệp bất động sản lớn còn lại đã công bố kết quả kinh doanh ảm đạm như NVL, KDH, DIG có doanh thu thuần lần lượt giảm so với cùng kỳ Q3/2022 là 67,3%, 23,2%, 44,5% đạt 1.073 tỷ đồng, 616 tỷ đồng và 235 tỷ đồng.
- Việc LNST Q3/2023 có sự suy giảm so với cùng kỳ năm 2022 đến từ nhóm cổ phiếu dẫn đầu tuy có sự tăng trưởng trong doanh thu nhưng lãi ròng suy giảm vì có sự thay đổi trong cấu phần kết quả kinh doanh, thu nhập từ hoạt động tài chính hay thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác giảm so với 2022.

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN DÂN CƯ**

MÃ CK	QUÝ 3/2023				9T/2023			
	DTT	YOY (%)	LNST-MI	YOY (%)	DTT	YOY (%)	LNST-MI	YOY (%)
BCM	1.127,3	(50,2)	217,4	6,9	3.204,7	(43,1)	447,5	(71,6)
NVL	1.073,1	(67,3)	170,5	(13,4)	2.731,2	(65,4)	(841,5)	(141,6)
KDH	616,4	(23,2)	207,5	(41,0)	1.624,0	(3,2)	654,7	(33,4)
DIG	235,2	(44,5)	17,0	N/A	594,4	(60,8)	106,4	(28,2)
CEO	254,1	(23,9)	37,3	34,0	942,6	(10,4)	106,7	18,8
SIP	1.704,7	13,0	193,8	1,4	4.762,0	3,6	616,7	(9,0)
HDG	459,6	(45,1)	84,4	(66,4)	2.020,0	(19,0)	422,6	(51,6)
TCH	253,0	(29,7)	55,0	N/A	1.121,7	(35,8)	334,7	182,4
SJS	173,2	32,6	35,4	1,270,1	246,2	(33,1)	104,6	387,7
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.192,5</b>	<b>(39,5)</b>	<b>1.023</b>	<b>(21,3)</b>	<b>18.194,9</b>	<b>(35,0)</b>	<b>1.967,3</b>	<b>(69,9)</b>

Nguồn: FiinPro, ABS Research

✓ **NVL:**

- Q3/2023, NVL ghi nhận kết quả kinh doanh kém sắc khi doanh thu đạt 1.073 tỷ đồng (-67,3% svck), LNST đạt 170,5 tỷ đồng (-13,4% svck). Đáng chú ý, khoản doanh thu tài chính tăng đột biến gần 42% svck lên mức 2.230 tỷ đồng (chủ yếu do ghi nhận từ lãi hợp đồng hợp tác đầu tư và thoái vốn tại Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Thành Nhơn). Đồng thời, chi phí tài chính tăng lên mức 1.900 tỷ đồng (+34,3% svck). NVL cũng ghi nhận khoản lợi nhuận khác gần 160 tỷ đồng trong khi quý 3 năm trước lỗ -100 tỷ. Về chi phí, chi phí bán hàng và quản lý của NVL giảm mạnh lần lượt 80% và 33% svck, còn gần 63 tỷ đồng và hơn 284 tỷ đồng. Trong đó, chi phí cho các chương trình bán hàng chỉ còn 9 tỷ đồng, tương ứng giảm gần 92% so với cùng kỳ. LNST công ty đạt 137 tỷ đồng (-42% svck), tuy nhiên đã đánh dấu việc có lãi trở lại sau khoản lỗ -410 tỷ đồng trong Q1/2023 và -684 tỷ Q2/2023.
- Lũy kế 9T/2023, tổng doanh thu hợp nhất của NVL là 2.740 tỷ đồng và ghi nhận khoản lỗ -958 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu từ bán hàng đạt gần 2.292 tỷ đồng, được ghi nhận từ việc bàn giao tại các dự án như NovaWorld Phan Thiet, NovaWorld Ho Tram, Aqua City, Palm City, Saigon Royal và các dự án BĐS trung tâm khác; doanh thu từ cung cấp dịch vụ đạt 449 tỷ đồng.
- Cổ phiếu NVL đã được đưa ra khỏi diện cảnh báo sau Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
- NVL được giao gần 17ha đất tại dự án Aqua City sau khi UBND tỉnh Đồng Nai có quyết định thu hồi gần 17 ha thuộc một phần dự án khu đô thị, thương mại, dịch vụ theo quy hoạch tại xã Long Hưng, TP. Biên Hòa từ Công ty Thành Phố Aqua Dona để giao cho Công ty Tường Minh (công ty con của NVL) dựa theo thương vụ chuyển nhượng giữa hai bên.



✓ **KDH:**

- Q3/2023, doanh thu thuần của KDH trong kỳ đạt hơn 616 tỷ đồng (-23% svck), trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính là chuyển nhượng bất động sản giảm gần 25%, còn xấp xỉ 593 tỷ đồng. Doanh thu tài chính tuy gấp đến 31 lần cùng kỳ nhờ lãi tiền gửi tăng mạnh nhưng chỉ ghi nhận hơn 13 tỷ đồng. Bên cạnh đó, chi phí tài chính và bán hàng còn lần lượt tăng 38% và 70% svck, lên gần 68 tỷ đồng và 73 tỷ đồng, do KDH gia tăng lượng chiết khấu thanh toán và chi phí hỗ trợ cho khách hàng. Theo đó, KDH chỉ lãi ròng gần 208 tỷ đồng trong Q3/2023 (-41% svck). Lũy kế 9T/2023, lãi ròng của Công ty đạt gần 655 tỷ đồng (-33% svck).
- 1.043 căn hộ The Privia được phép mở bán. Sở Xây dựng TPHCM đã có văn bản thông báo điều kiện bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai đối với 1,043 căn hộ nhằm các thửa đất số 207, 208, 209, tờ bản đồ số 11 thuộc dự án khu nhà ở cao tầng Công ty Khang Phúc (công ty con mà KDH sở hữu 100% vốn) tại phường An Lạc, quận Bình Tân.

- ✓ **DIG** mới thực hiện 10% kế hoạch lợi nhuận năm sau 9 tháng. Trong Q3/2023, doanh thu thuần của DIG đạt 235 tỷ đồng (-44% svck) chủ yếu đến từ chuyển nhượng căn hộ dự án Gateway Vũng Tàu, căn hộ dự án CSJ, quyền sử dụng đất dự án Nam Vĩnh Yên, nhà thô dự án Đại Phước và nhà thô tại dự án Hiệp Phước, tuy nhiên, doanh thu từ bất động sản của Công ty lại giảm gần 44%, kéo theo đó tổng doanh thu thuần cũng giảm 44% còn hơn 235 tỷ đồng. Đáng chú ý trong kỳ DIG đã tiết giảm đáng kể chi phí, cụ thể chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý giảm lần lượt 74%, 62% và 13%. Trong đó, chi phí tài chính giảm nhờ chi phí lãi vay giảm 67% và oàn nhập dự phòng tài chính hơn 39 tỷ đồng. Theo đó DIG lãi ròng gần 17 tỷ đồng trong quý 3, trong khi cùng kỳ lỗ gần 1 tỷ đồng. Dù vậy, lũy kế 9 tháng đầu năm, lãi ròng của Công ty chỉ đạt hơn 106 tỷ đồng (-25% svck), so với kế hoạch lãi trước thuế 1.400 tỷ đồng đề ra cho năm 2023, DIG mới thực hiện được 10% mục tiêu sau 9 tháng.

**NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN KHU CÔNG NGHIỆP**

**Tin tức doanh nghiệp:**

- ✓ Bức tranh lợi nhuận quý này có sự phân hóa rõ rệt. Thống kê KQKD của 11 doanh nghiệp trong ngành cho thấy, có 6 doanh nghiệp có lợi nhuận tăng trưởng trong quý III, gồm: Viglacera (VGC), Sonadezi (SZC), Đầu tư Sài Gòn (VRG), Tín Nghĩa (TIP), Nam Tân Uyên (NTC), Tân Tạo (ITA).

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH BĐS KHU CÔNG NGHIỆP**

STT	MÃ CK	QUÝ 3/2023				9T/2023			
		DTT	%YOY	LNST	%YOY	DTT	%YOY	LNST	%YOY
1	TID	1.707	-18,3%	107	103,5%	6.098	-18,3%	149	19,6%
2	IDC	1.443	-29,0%	195	-68,3%	4.998	-29,0%	1.032	-56,4%
3	KBC	247	272,4%	19	-99,0%	4.798	272,4%	2.087	-2,3%
4	SIP	1.705	3,6%	203	3,7%	4.762	3,6%	663	-5,2%
5	BCM	1.127	-46,5%	216	-16,8%	3.012	-46,5%	265	-84,1%
6	DTD	82	48,5%	24	-48,8%	674	48,5%	275	127,3%
7	SZC	208	-15,6%	55	136,3%	559	-15,6%	163	1,9%
8	SZL	104	3,3%	24	-41,1%	315	3,3%	69	-12,9%

9	SZB	87	4,7%	24	8,7%	280	4,7%	92	8,6%
10	LHG	67	-52,5%	32	-61,2%	250	-52,5%	107	-37,7%
11	NTC	54	-8,6%	77	35,0%	172	-8,6%	232	10,5%
12	TIX	52	-12,6%	26	10,3%	159	-12,6%	83	2,5%
13	TIP	40	-37,4%	69	69,5%	110	-37,4%	96	64,3%
14	MH3	22	2,3%	12	8,1%	62	2,3%	33	-20,6%
15	HPI	20	-9,8%	12	-30,5%	61	-9,8%	30	-1,4%
16	VRG	5	-20,7%	- 4	-150,0%	24	-20,7%	- 3	-141,4%
17	PXL	3	70,7%	0	41,7%	9	70,7%	0	153,6%
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.976</b>	<b>-23,5%</b>	<b>1.088</b>	<b>-68,3%</b>	<b>26.345</b>	<b>-9,0%</b>	<b>5.374</b>	<b>-33,1%</b>

Nguồn: Fiinpro, ABS Research

## NGÀNH XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Giải ngân đầu tư công chưa đạt được như kỳ vọng. Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 10/2023 ước đạt 65,7 nghìn tỷ đồng, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 479,3 nghìn tỷ đồng, bằng 65,8% kế hoạch năm và tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 65,1% và tăng 21,1%).

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH XÂY DỰNG VÀ VLXD**

MÃ CK	QUÝ 3/2023				9T/2023			
	DTT	YOY (%)	LNST-MI	YOY (%)	DTT	YOY (%)	LNST-MI	YOY (%)
LGC	356,36	1,7	122,0	83,9	1.016,9	0,5	205,6	3,7
VCS	1.028,48	(6,1)	194,9	(3,1)	3.200,1	(27,8)	609,5	(35,3)
CTR	3.083,43	18,3	140,6	9,6	8.124,3	18,9	373,2	16,5
PC1	2.220,33	(26,2)	63,6	(3,3)	5.197,8	(13,3)	65,7	(75,0)
SCG	276,96	(21,8)	13,0	364,3	586,6	(68,1)	13,6	(79,6)
SJG	1.832,71	19,2	162,2	(15,0)	4.152,6	1,6	398,8	(69,5)
HHV	673,62	19,6	100,9	38,0	1.825,3	23,5	268,5	26,1
CC1	1.269,77	0,8	18,0	(19,0)	3.051,6	(24,2)	37,5	(20,9)
C4G	711,10	6,4	30,1	16,8	1.788,5	(4,8)	105,2	3,3
DNP	1.811,66	9,5	2,0	(25,5)	5.301,1	5,3	50,3	921,7
DPG	867,40	(1,5)	31,6	(58,1)	2.026,6	(8,9)	119,1	(58,4)
LCG	477,49	163,2	25,1	(16,8)	1.197,2	56,5	55,6	(65,7)
<b>FCN</b>	<b>547,64</b>	<b>(17,6)</b>	<b>9,5</b>	<b>70,6</b>	<b>1.830,3</b>	<b>(17,0)</b>	<b>11,1</b>	<b>(18,6)</b>

Nguồn: FiinPro, ABS Research

**Tin tức doanh nghiệp**

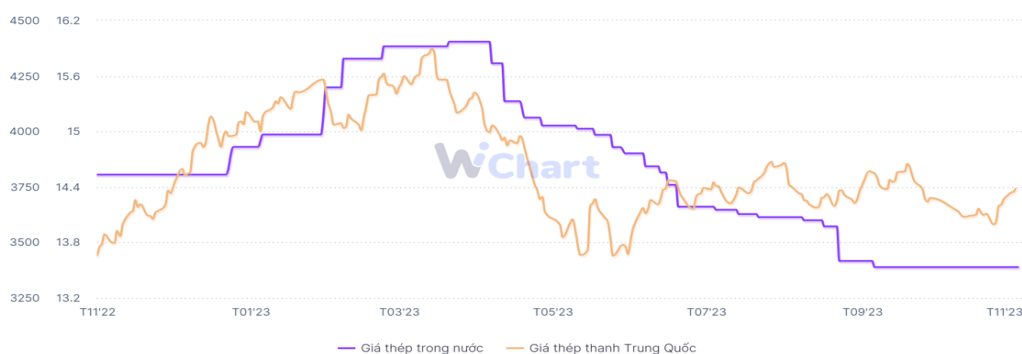
✓ **Cập nhật kết quả kinh doanh Q3/2023.**

- Trong Q3/2023, nhìn chung toàn ngành doanh thu giảm 10,6% so với cùng kỳ và và lũy kế 9T/2023 giảm 11,3% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận sau thuế Q3/2023 toàn ngành tăng 2,6% trong khi lũy kế 9T/2023 giảm 35% so với cùng kỳ năm 2022. Trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường bất động sản chưa có nhiều cải thiện tích cực, các doanh nghiệp xây dựng không có nhiều hợp đồng mới, kết quả kinh doanh nhờ vào lượng backlog cũ, các dự án đã kí trước đây. Việc thúc đẩy giải ngân đầu tư công sẽ giúp nhóm doanh nghiệp xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng là nhóm được hưởng lợi nhiều nhất. Ngược lại, doanh nghiệp xây dựng nhà các loại và xây dựng chuyên dụng vẫn còn gặp khó khăn.
- Nhóm doanh nghiệp xây dựng có kết quả kinh doanh phân hóa, nhóm có kết quả kém tích cực như DPG, FCN, SCG khi doanh thu thuần giảm so với cùng kỳ 1,5%, 17,6%, 21,8% đạt tương ứng 867 tỷ đồng, 548 tỷ đồng và 277 tỷ đồng, LNST lần lượt so với cùng kỳ -58,1% +70,6%, +364,3%. Nhóm có kết quả kinh doanh khả quan như LGC, CTR, HHV khi tăng so với cùng kỳ 1,7%, 18,3%, 19,6% đạt 356 tỷ đồng, 3.083 tỷ đồng, 673 tỷ đồng; LNST lần lượt tăng so với cùng kỳ 83,9% +9,6%, +38%.
- Nhóm vật liệu xây dựng với VCS có doanh thu thuần Q3/2023 giảm 6,1% svck đạt 1.028 tỷ đồng, LNST đạt 195 tỷ đồng (-3,1% svck).

**NGÀNH THÉP**

Giá thép Trung Quốc tiếp đà tăng. Giá sắt thép xây dựng liên tục tăng thêm trên Sàn giao dịch Thượng Hải do nhu cầu quặng sắt ngày càng cao tại Trung Quốc. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) của Trung Quốc tăng 1,59% lên 926,5 nhân dân tệ (126,59 USD)/tấn, cao nhất kể từ ngày 15/3, sau khi tăng 2,51% một ngày trước đó. Trong khi đó, giá thép trong nước vẫn duy trì ở mức ổn định trong hơn 2 tháng qua.

**Diễn biến giá thép trong nước và Trung Quốc**



Nguồn: WiChart, ABS Research

**Tin tức doanh nghiệp**

- ✓ **Kết quả kinh doanh Q3/2023 kém khả quan.** Trong tuần, nhóm doanh nghiệp có vốn hóa lớn trong ngành như HPG, HSG, NKG đã đồng loạt công bố báo cáo tài chính Q3/2023. Nhìn chung toàn ngành thép, doanh thu Q3/2023 giảm 11,3% so với cùng kỳ và và lũy kế 9T/2023 giảm 24,4% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận sau thuế Q3/2023 toàn ngành giảm 6,4%

trong khi lũy kế 9T/2023 giảm 66% so với cùng kỳ năm 2022. Bức tranh chung của ngành thép trong thời gian vừa qua kém tích cực đến từ (i) sự khó khăn của thị trường bất động sản, cũng như (ii) giá thép giảm sâu.

- Trong giai đoạn từ tháng 3/2023 đến tháng 9/2023, giá thép có 19 đợt điều chỉnh, tổng cộng hơn 14%, hiện dao động quanh mức 13,7 triệu đồng/tấn, thấp nhất trong vòng 3 năm qua. Theo Hiệp hội Thép Việt Nam, nguyên nhân giá thép trong nước liên tục giảm là do nhu cầu tiêu thụ chậm, số lượng các công trình dân dụng được khởi công còn ít, hoạt động đầu tư công dần được đẩy mạnh nhưng chưa đủ sức giúp thị trường thép tốt hơn. Trong khi đó, các nhà sản xuất trong nước còn phải cạnh tranh với thép giá rẻ từ Trung Quốc khi nước này liên tục hạ giá xuất khẩu.
- Tháng 9/2023, sản lượng tiêu thụ thép ghi nhận mức cao nhất kể từ đầu năm, đạt gần 2,2 triệu tấn, tăng 4,7% so với tháng 8 và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, tiêu thụ thép xây dựng đạt gần 1 triệu tấn, lần lượt tăng 9% và 4%. Tính cả quý III/2023, ngành thép tiêu thụ gần 6,5 triệu tấn thành phẩm, tăng 6,3%, riêng xuất khẩu đóng góp hơn 2 triệu tấn, tăng 70% so với cùng kỳ. Lũy kế 9T/2023, bán hàng thép thành phẩm đạt gần 19 triệu tấn, giảm 10,8%; trong đó xuất khẩu gần 6 triệu tấn, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH THÉP**

MÃ CK	QUÝ 3/2023				9T/2023			
	DTT	YOY (%)	LNST-MI	YOY (%)	DTT	YOY (%)	LNST-MI	YOY (%)
HPG	28.484,09	-16,5	2.004,7	N/A	84.569,2	(26,8)	3.862,3	(63,1)
HSG	8.106,64	2,1	438,4	N/A	23.733,3	(27,6)	708,6	N/A
NKG	4.262,06	-3,7	23,7	N/A	14.136,8	(24,7)	99,8	(65,5)
TVN	7.947,31	-7,5	(154,9)	N/A	23.026,9	(24,2)	(403,5)	N/A
GDA	4.087,53	-2,8	59,6	N/A	12.813,9	(25,9)	263,9	113,4
SHI	2.114,24	15,2	0,3	N/A	6.875,5	21,8	14,0	(54,8)
VGS	1.716,83	-11,4	9,0	80,4	5.416,6	(11,7)	32,4	(60,7)
DTL	496,06	136,1	4,3	N/A	1.501,1	77,0	(106,5)	N/A
TMG	106,25	-67,5	4,0	(89,7)	702,0	(25,4)	28,0	(75,9)
TIS	2.413,80	-7,3	(58,7)	N/A	6.789,1	(28,7)	(194,3)	(2.725,5)
TLH	1.324,52	14,3	5,1	(38,9)	3.988,9	8,9	16,5	(86,3)
SMC	3.141,00	-44,6	(164,0)	N/A	10.574,0	(44,2)	(549,4)	N/A
<b>Tổng</b>	<b>64.200</b>	<b>(12,1)</b>	<b>2.171,5</b>	<b>(1,5)</b>	<b>194.127</b>	<b>(25,5)</b>	<b>3.771,5</b>	<b>(65,4)</b>

Nguồn: FiinPro, ABS Research

✓ **HPG:**

- Trong Q3/2023, doanh thu thuần của HPG đạt 28.484 tỷ đồng (-16,5% svck và -3,4% QoQ) chủ yếu do giá bán bình quân giảm trong khi sản lượng tiêu thụ cải thiện đáng kể. Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng, HRC và phôi thép trong Q3/2023 tăng 11,3% so với quý trước đạt 1,71 triệu tấn (đi ngang so với cùng kỳ), tương đương với 80% công suất hoạt động. Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tăng 17,4% so với quý trước đạt 921 nghìn tấn (-14,6% svck), trong đó, tháng 9 là tháng đầu tiên trong năm ghi nhận mức tăng trưởng dương so với cùng kỳ. Công ty cũng đã bán được 766 nghìn tấn HRC trong Q3/2023 (+25,5% svck và +4,5% QoQ), nhờ kênh xuất khẩu cải thiện đáng kể với tỷ trọng 56,5% tổng sản lượng tiêu thụ HRC trong quý là xuất khẩu so với mức 47% trong Q2/2023 (và 0% trong Q3/2022). Giá bán bình

quân thép xây dựng giảm 7,5% so với quý trước, giảm 11,1% so với cùng kỳ; giá bán bình quân HRC giảm 13,3% so với quý trước, giảm 28,1% so với cùng kỳ.

- Biên lợi nhuận cải thiện nhờ giảm giá nguyên liệu đầu vào: Biên lợi nhuận gộp của HPG trong Q3/2023 cải thiện lên 12,6% từ 2,9% trong Q3/2022 và 10,8% trong Q2/2023 nhờ (i) sản lượng tiêu thụ cải thiện 11,3% so với quý trước và (ii) giá than cốc giảm hơn 20% so với quý trước.
  - Lợi nhuận ròng của HPG trong Q3/2023 đạt 2.004 tỷ đồng (+38% QoQ) cho thấy sự phục hồi đáng kể từ khoản lỗ 1,8 nghìn tỷ đồng trong Q3/2022. Sự phục hồi của lợi nhuận ròng được thúc đẩy nhờ sản lượng tiêu thụ cải thiện, chi phí nguyên vật liệu đầu vào giảm và việc quản lý hàng tồn kho tốt hơn. Lũy kế 9T/2023, lợi nhuận ròng đạt 3.862 tỷ đồng (-63,1% svck) - hoàn thành 48% kế hoạch năm 2023.
- ✓ **HSG:** Trong Q3/2023 (tương ứng Quý 4 năm tài chính 2022 – 2023) của HSG, doanh thu thuần đạt 8.106 tỷ đồng (+2,1% svck) nhờ xuất khẩu tôn mạ tốt hơn. Trong đó tổng khối lượng xuất khẩu tăng lên 178.791 tấn, tăng 89,2% svck và giảm 2,7% QoQ; LNST đạt 438 tỷ đồng (cùng kỳ năm ngoái lỗ 887 tỷ đồng). Khoản lợi nhuận tăng đột biến do giá vốn hàng bán giảm xuống 7,03 nghìn tỷ đồng (-13% svck) (giảm giá của HRC so với cùng kỳ năm trước), chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm xuống còn 627,3 tỷ đồng (-18% svck và -24% QoQ). Lũy kế cả năm tài chính, doanh thu thuần đạt 31.651 tỷ đồng (-36% svck) và LNST đạt 28 tỷ đồng (-89% svck) hoàn thành lần lượt 87% và 9,4% kế hoạch năm của công ty.
- ✓ **NKG:** Doanh thu của NKG giảm nhẹ 3,7% svck và giảm 22,5% QoQ xuống 4.262 tỷ đồng trong Q3/2023 do nhu cầu yếu. Trong đó, tổng lượng xuất khẩu Q3/2023 tăng mạnh 52,6% svck lên 125.909 tấn, nhưng giảm 19,2% QoQ. LNST Q3/2023 đạt 23,7 tỷ đồng (-81,1% QoQ), cải thiện so với mức lỗ -418,7 tỷ đồng trong Q3/2022. Biên lợi nhuận gộp 9% trong Q2/2023 đã giảm xuống 4,8% trong Q3/2023. Mặc dù chi phí bán hàng giảm từ 213,7 tỷ đồng trong Q2/2023 xuống còn 137,5 tỷ đồng trong Q3/2023 (-35,3% svck và -35,6% QoQ), nhưng biên lợi nhuận ròng vẫn giảm xuống 0,8% (-3,6% QoQ).

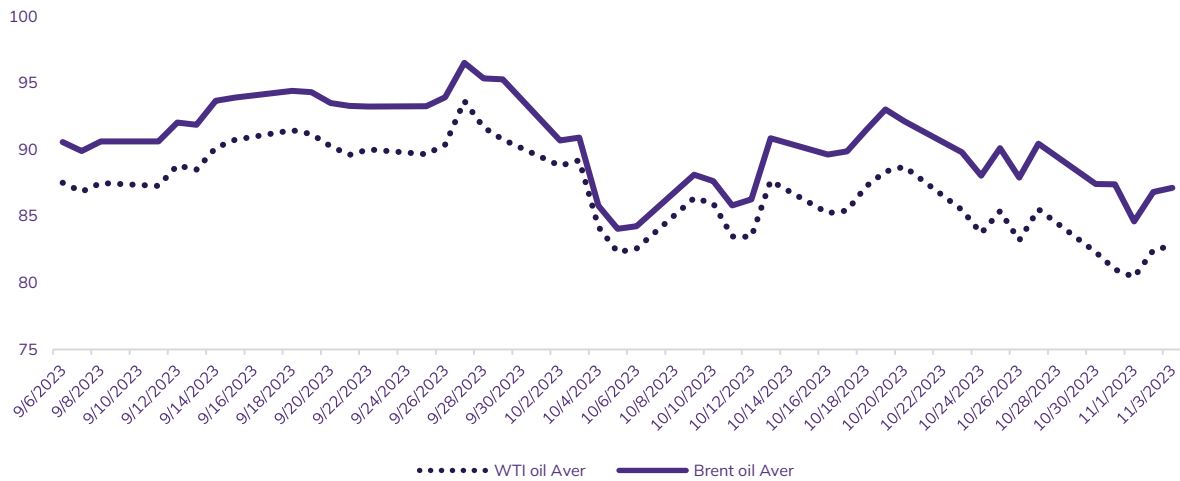
## NGÀNH DẦU KHÍ

- ✓ **Giá dầu dao động hẹp:** Giá dầu đã tăng gần 3% trong ngày Thứ Năm, chấm dứt chuỗi 3 phiên giảm liên tiếp trước đó sau khi FED công bố giữ nguyên lãi suất. Theo đó, kết thúc ngày Thứ Năm, giá dầu Brent dừng ở 86,92 USD/thùng trong khi giá dầu WTI dừng ở 82,67 USD/thùng.

**Chúng tôi cho rằng đà tăng giá dầu sẽ vẫn được hỗ trợ và neo ở mức cao khi:**

- ✓ Rủi ro địa chính trị trở lại, diễn biến chiến sự tại Trung Đông vẫn khá phức tạp và chưa có dấu hiệu xuống thang.
- ✓ OPEC+ vẫn thắt chặt nguồn cung.
- ✓ Tồn kho dầu toàn cầu dự báo vẫn giảm trong Q4/2023 & nửa đầu năm 2024.
- ✓ Trong khi đó, nhu cầu dầu toàn cầu dự báo sẽ vẫn tăng. OPEC dự báo, nhu cầu dầu mỏ thế giới sẽ tăng 2,25 triệu thùng/ngày trong năm 2024, so với mức tăng 2,44 triệu thùng/ngày của năm 2023.

Diễn biến giá dầu WTI & Brent (USD/thùng)



Nguồn: Investing.com, ABS Research

**PVN và đối tác ký các hợp đồng triển khai Chuỗi dự án khí, điện Lô B - Ô Môn:** Ngày 30/10 tại Hà Nội, trước sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) cùng các đối tác đã ký kết các hợp đồng liên quan và triển khai Chuỗi dự án khí, điện Lô B - Ô Môn, đánh dấu bước tiến quan trọng của Chuỗi dự án trọng điểm đã kéo dài gần 20 năm này. Chuỗi dự án khí, điện Lô B - Ô Môn là công trình trọng điểm Nhà nước về dầu khí, là Chuỗi dự án khí điện có quy mô lớn nhất của Việt Nam hiện nay. Sản lượng khai thác khí từ Lô B dự kiến khoảng 5,06 tỷ m<sup>3</sup> khí/năm, cung cấp cho tổ hợp 4 nhà máy điện tại Trung tâm Điện lực Ô Môn, với tổng công suất lắp đặt dự kiến lên đến 3.800 MW. Tuy nhiên, dự án chậm triển khai do gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong cơ chế, chính sách, trình tự, thủ tục.

Do đó, đây là sự kiện tạo tiền đề để PVN và các đối tác tiếp tục triển khai các dự án thành phần trong thời gian tới. Tại buổi lễ, PVN và các đối tác đã tiến hành ký kết các văn bản quan trọng như:

- ✓ Thỏa thuận khung Lô B.
- ✓ Biên bản thống nhất nội dung Hợp đồng bán khí Ô Môn 1.
- ✓ Trao thầu Hợp đồng EPC#1.

Đáng chú ý, gói thầu EPCI#1 trị giá gần 1,1 tỷ USD đã được trao cho liên doanh xây dựng McDermott (Mỹ) - Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS). Liên danh này được phép thực hiện một số công việc chuẩn bị sớm cho hợp đồng EPC mặc dù chưa có quyết định đầu tư cuối cùng (FID) đối với cả dự án Lô B - Ô Môn. Giá trị phần việc được thực hiện sẽ tương đối nhỏ cho đến khi cả dự án nhận được FID. Về quyết định FID, chúng tôi cho rằng sớm nhất phải sang năm 2024 mới có do Dự án điện khí Ô Môn 3 và 4 mới nhận quyết định chuyển về PVN làm chủ đầu tư kể từ tháng 6/2023.

**Tin tức doanh nghiệp:**

KQKD 9T/2023 các DN dầu khí nhìn chung khá tích cực. Các DN ngành dầu khí nhìn chung có KQKD 9T/2023 vượt trội so với các ngành khác.

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH DẦU KHÍ**

STT	MÃ CK	QUÝ 3/2023				9T/2023			
		DTT	%YOY	LNST	%YOY	DTT	%YOY	LNST	%YOY
1	POS	384	21,5%	20	446,6%	1.117	-15,0%	41	97,6%
2	PTV	39	11,8%	0	N/A	139	22,5%	1	34,4%
3	PVB	42	167,0%	-3	N/A	95	289,0%	-8	N/A
4	PVC	846	27,5%	17	368,6%	2.211	11,6%	34	222,1%
5	PVD	1.381	11,2%	133	N/A	4.033	2,8%	344	N/A
6	PVS	4.176	19,2%	144	-25,6%	12.591	13,6%	606	33,6%
7	TOS	492	14,1%	83	9,3%	1.147	3,3%	163	25,8%
8	BSR	37.756	-4,6%	3.235	611,2%	105.491	-16,8%	6.186	-52,0%
9	OIL	24.012	-7,5%	235	N/A	66.875	-16,0%	664	54,0%
10	PLX	72.414	-1,7%	729	284,3%	205.596	-8,9%	2.288	359,1%

Nguồn: Fiiipro, ABS Research

- ✓ Nhìn chung, các DN đã công bố đều có KQKD khả quan với LNST Q3/2023 tăng bằng lần như POS, PVC, BSR, PLX.
  - BSR: Giá dầu phục hồi trở lại từ tháng 6/2023 đã giúp cho crack spread của BSR gia tăng, giúp DN có KQKD tích cực.
  - PLX: Doanh nghiệp có KQKD tăng trưởng tốt trong Q3/2023 nhờ sự đóng góp của khoản thoái vốn tại PGBank. Khoản đầu tư vào PGBank đã đem lại cho PLX 646 tỷ đồng tiền lãi.
  - PVD: KQKD ấn tượng khi LNST Q3/2023 và 9T/2023 đạt 133 & 344 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước bị lỗ. Kết quả này chủ yếu nhờ đơn giá cho thuê và hiệu suất giàn tự nâng đều tăng svck, các giàn khoan của PVD đều có việc làm ổn định.

## NGÀNH ĐIỆN

### Tin tức doanh nghiệp:

- ✓ Tuần qua đã có khá nhiều DN ngành điện công bố BCTC Q3/2023. Như chúng tôi đã đề cập trong các báo cáo trước, bức tranh tổng thể KQKD Q3/2023 cho thấy đa phần các DN đều kém khả quan, một số Công ty còn bị lỗ như NT2, KHP, XMP, SVH, NBP, PIC, trong đó NT2 trong Quý đã tiến hành đại tu nhà máy nên ảnh hưởng mạnh tới sản lượng điện cung ứng.
- ✓ Nhóm thủy điện có KQKD Q3/2023 cũng như 9T/2023 sụt giảm khi bị ảnh hưởng bởi điều kiện thủy văn không thuận lợi do hiện tượng El Nino gây ra. Trong Q3/2023, một số DN thủy điện lợi ngược dòng khi có KQKD tích cực hơn svck như GHC, S4A, SP2...
- ✓ Nhóm nhiệt điện than hiện đang được ủng hộ bởi 2 yếu tố: 1) Thủy văn không thuận lợi nên nguồn điện than được tăng cường huy động; 2) Giá than đầu vào giảm khi trong 8 tháng đầu năm, giá than nhập khẩu trung bình giảm đến 41,4% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 198 USD/tấn. Tuy nhiên, trong thời gian qua, các tổ máy nhiệt điện than tiếp tục được sắp xếp sửa chữa, khiến khả năng phát điện bị hạn chế. Một số tổ máy gặp sự cố hoặc sửa chữa định kỳ kéo dài hơn kế hoạch. Chính vì vậy, KQKD các DN điện than cũng bị ảnh hưởng và có sự khác biệt.
- ✓ Nhìn chung, các DN điện than có KQKD Q3/2023 và 9T/2023 kém khả quan.

- Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP), LNST Q3/2023 và 9T/2023 sụt giảm 92,1% & 45,8% svck. Từ ngày 21/8/2023, QTP tiến hành đại tu kéo dài 60 ngày nên sản lượng điện thương phẩm giảm dẫn tới doanh thu và lợi nhuận giảm.
- Nhiệt điện Ninh Bình (NBP) cũng bị lỗ trong Q3/2023 do thực hiện đại tu theo kế hoạch với tổ máy số 4 từ ngày 15/8 – 30/9/2023, làm giảm doanh số cố định và kéo lùi lợi nhuận sản xuất điện.
- Nhiệt điện Phả Lại (PPC) thoát lỗ nhờ cổ tức. Q3/2023. PPC ghi nhận DTT tăng 14% so với cùng kỳ, đạt 1.337 tỷ đồng, nhưng kinh doanh dưới giá vốn nên Công ty lỗ gộp 84 tỷ đồng. Tuy nhiên, với 184 tỷ đồng doanh thu tài chính, phần lớn do cổ tức được chia đã giúp Công ty thoát lỗ và mang về 84 tỷ đồng LNST, giảm 45,8% svck.
- Trong nhóm này, nổi trội có Nhiệt điện Hải Phòng (HND) có LNST Q3/2023 tăng mạnh svck khi đạt 192 tỷ đồng (+372% svck), chủ yếu do giá vốn (chủ yếu là giá than) và chi phí lãi vay giảm mạnh trong khi đó sản lượng điện Q3 của HND tăng 100 triệu kWh svck.

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH ĐIỆN**

STT	MÃ CK	QUÝ 3/2023				9T/2023			
		DTT	%YOY	LNST	%YOY	DTT	%YOY	LNST	%YOY
<b>Thủy điện</b>									
1	XMP	9	-45,1%	-6	N/A	48	-17,3%	1	-90,8%
2	VSH	382	-41,4%	26	-88,4%	1.932	-9,0%	764	-13,3%
3	TMP	228	-31,6%	116	-34,6%	635	-20,8%	352	-19,7%
4	TBC	82	-56,8%	23	-77,8%	322	-40,3%	131	-55,7%
5	SP2	66	14,2%	31	38,9%	121	-23,3%	26	-47,2%
6	ISH	74	-18,4%	35	-25,9%	167	-12,5%	71	-16,1%
7	SVH	5	-52,9%	-4	N/A	36	-25,8%	10	-58,1%
8	SBH	335	-10,2%	219	-6,3%	579	-14,0%	281	-21,7%
9	S4A	81	0,2%	40	44,6%	186	-10,7%	81	-0,4%
10	NTH	17	-34,1%	4	-58,2%	82	-15,5%	39	-20,9%
11	HJS	44	2,4%	15	47,8%	116	-16,5%	41	-15,3%
12	SHP	254	4,5%	134	-2,3%	470	-16,0%	195	-29,5%
13	GSM	26	-52,6%	5	-77,5%	73	-39,1%	9	-78,0%
14	HNA	236	-44,8%	106	-60,5%	521	-38,1%	152	-62,9%
15	GHC	85	4,2%	40	26,1%	235	-2,4%	112	-9,3%
16	DNH	682	2,3%	318	-6,7%	1.847	-18,0%	969	-28,6%
17	SJD	180	2,9%	71	-4,7%	338	-7,0%	121	-16,7%
18	BSA	128	-11,0%	41	-41,9%	234	-14,6%	56	-45,2%
19	BHA	144	-15,5%	93	-13,1%	228	-28,4%	80	-46,5%
20	AVC	119	-60,2%	49	-73,0%	499	-32,9%	281	-38,0%
21	DRL	26	1,7%	14	12,5%	74	-9,3%	42	-9,0%
22	SMA	31	2,2%	9	-53,8%	50	-19,0%	-4	N/A
23	SBA	81	-25,5%	36	-32,3%	230	-23,1%	106	-26,9%
24	SEB	43	-34,5%	16	-48,3%	222	-17,4%	124	-18,5%



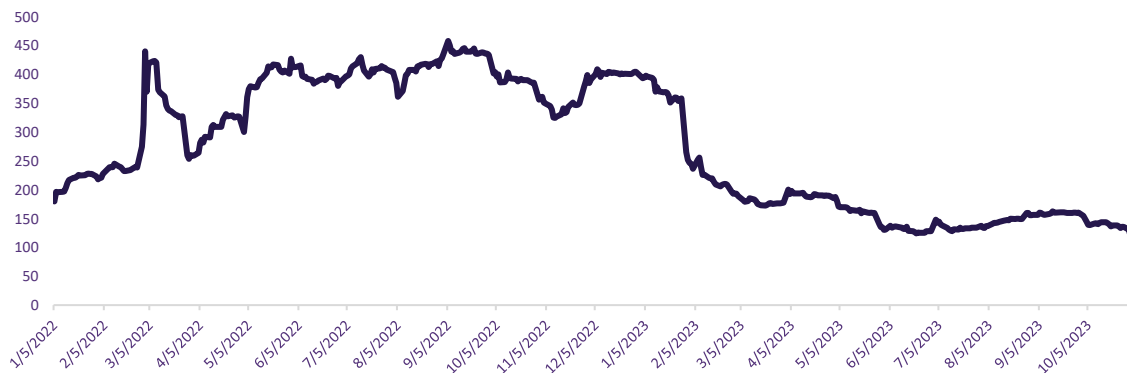
Nhiệt điện									
1	QTP	2.507	-20,2%	12	-92,1%	9.211	12,9%	404	-45,8%
2	PPC	1.337	14,0%	84	-45,8%	4.044	14,2%	285	-6,0%
3	NBP	246	8,9%	-2	N/A	638	7,2%	15	-24,2%
4	HND	2.884	-6,0%	192	372,5%	8.822	6,6%	533	-7,9%
5	BTP	44	-73,3%	12	-86,3%	732	98,7%	54	-39,1%
6	NT2	816	-62,3%	-124	N/A	5.182	-24,5%	256	-64,7%
7	POW	5.679	-6,0%	52	-74,0%	21.533	4,7%	884	-44,5%
Khác									
1	GEG	566	8,5%	0	-99,8%	1.595	-0,2%	111	-68,1%
2	ND2	145	-7,4%	90	-7,4%	255	-32,9%	90	-55,3%
3	PIC	17	-25,5%	-2	N/A	86	-8,0%	23	-21,8%
4	VPD	167	-33,2%	73	-44,6%	404	-22,9%	141	-35,7%
5	HTE	41	-13,4%	0	N/A	57	-42,2%	0	N/A
6	TTE	22	-18,7%	-8	N/A	93	-11,3%	-20	N/A
7	DNC	251	15,1%	14	14,7%	588	16,5%	28	12,5%
8	KHP	1.774	19,3%	-45	N/A	4.532	16,8%	-39	N/A
9	TTA	178	-12,5%	40	-23,3%	502	-19,9%	94	-49,7%
10	VCP	93	-65,7%	-21	N/A	408	-38,0%	51	-81,7%
11	DTK	2.486	13,9%	-46	N/A	8.356	1,1%	420	-39,6%
12	PGV	9.135	-24,7%	-461	N/A	35.938	2,9%	1.264	-27,2%

Nguồn: Fiiipro, ABS Research

## NGÀNH THAN

- ✓ **Giá than tuần qua tiếp tục điều chỉnh trên 10%:** Trong tuần qua, giá than tiếp tục điều chỉnh 10,11%. Giá than Newcastle kết thúc ngày 02/11/2023 dao động quanh 120 USD/tấn. Xu hướng giá than thời gian tới dự kiến vẫn duy trì ở mức thấp khi nhu cầu tiêu thụ dự báo vẫn yếu do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại.

Giá than tiêu chuẩn Newcastle (USD/tấn)



Nguồn: Investing.com, ABS Research

- ✓ **Phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025.** Chính phủ vừa phê duyệt Đề án tái cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) đến năm 2025 (Quyết định số: 1263/QĐ-TTg, ngày 27/10/2023). Mục tiêu của đề án là đưa TKV thành tập đoàn kinh tế nhà nước mạnh, có trình độ công nghệ hiện đại, từng bước đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm; góp phần đảm bảo an ninh năng lượng. Doanh thu đến 2025 của TKV hướng đến 853.500 tỷ đồng, nộp ngân sách hơn 108.100 tỷ đồng.

**Tin tức doanh nghiệp:**

- ✓ **KQKD Q3/2023 của các DN ngành than nhìn chung trái chiều nhưng thiên về hướng khả quan do nhu cầu than cho điện tăng trong bối cảnh thủy điện bị ảnh hưởng.** Đa phần các công ty có KQKD Q3/2023 tăng trưởng tốt trừ một số DN có LNST đi lùi svck như CST, TDN, TVD, SHN. KQKD 9T/2023 của các DN đã công bố BCTC cũng cho thấy màu sắc tươi sáng khi chỉ CST, SHN và CLM có LNST sụt giảm svck.

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH THAN**

STT	MÃ CK	QUÝ 3/2023				9T/2023			
		DTT	%YOY	LNST	%YOY	DTT	%YOY	LNST	%YOY
1	TVD	1.654	33,0%	10	-15,2%	5.066	11,1%	71	75,8%
2	TMB	8.676	28,9%	24	2.588,3%	28.875	78,4%	198	146,4%
3	THT	1.271	47,5%	8	40,8%	3.543	8,5%	53	160,3%
4	TDN	875	41,7%	3	-6,8%	2.951	8,5%	29	213,2%
5	TC6	299	-29,2%	1	N/A	1.515	-25,5%	2	N/A
6	SHN	1.441	21,3%	-6	N/A	4.375	7,7%	6	-78,6%
7	NBC	902	40,4%	32	665,8%	2.708	10,7%	68	232,7%
8	MDC	571	-10,3%	10	81,3%	1.979	5,3%	39	127,9%
9	HLC	787	1,0%	23	133,6%	2.367	-12,3%	68	106,4%
10	CST	2.140	-1,9%	31	-59,4%	6.307	-23,6%	113	-33,9%
11	CLM	4.172	36,9%	29	225,6%	13.404	33,7%	106	-63,9%

Nguồn: Fiinpro, ABS Research

**NGÀNH DỆT MAY**

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH DỆT MAY**

STT	MÃ CK	QUÝ 3/2023				9T/2023			
		DTT	%YOY	LNST	%YOY	DTT	%YOY	LNST	%YOY
1	STK	378	-26,7%	17	-66,8%	1.073	-36,3%	56	-71,8%
2	MSH	1.206	-26,6%	51	-54,0%	3.385	-22,7%	166	-46,1%
3	TCM	919	-25,2%	54	-41,5%	2.510	-26,2%	110	-49,9%
4	TNG	2.105	4,2%	69	-34,5%	5.439	3,3%	171	-26,1%
5	HTG	1.270	-8,5%	59	-17,7%	3.580	-10,0%	141	-31,3%
6	VGT	4.089	-11,1%	27	-77,1%	12.187	-14,2%	37	-94,4%
7	GIL	280	31,4%	(19)	N/A	706	-75,7%	(63)	N/A

	<b>Tổng</b>	<b>10.246</b>	<b>-11,7%</b>	<b>258</b>	<b>-61,9%</b>	<b>28.879</b>	<b>-19,4%</b>	<b>612</b>	<b>-71,6%</b>
--	-------------	---------------	---------------	------------	---------------	---------------	---------------	------------	---------------

Nguồn: Fiinpro, ABS Research

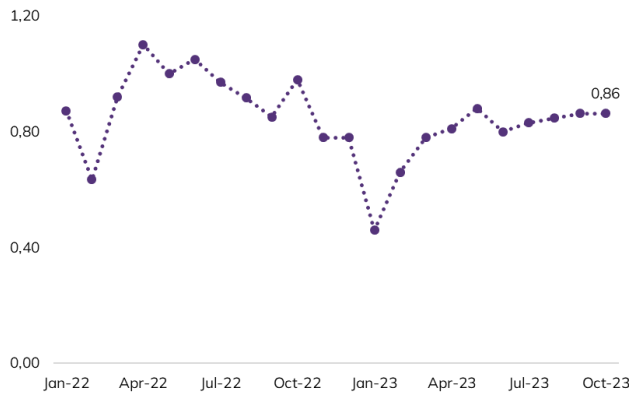
### Tin tức doanh nghiệp

- ✓ **MSH:** CTCP May Sông Hồng công bố kết quả kinh doanh quý 3/2023 với doanh thu thuần sụt giảm 27% so cùng kỳ, về mức 1.206 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp ở mức 10,7% giảm so mức 14,9% của cùng kỳ. LNST đạt 51 tỷ đồng, giảm mạnh -54% svck. Điều này cũng phản ánh tình hình kinh doanh khó khăn của các doanh nghiệp may mặc khi liên tục thiếu đơn hàng trong khi chi phí đầu vào là cố định (chi phí nhân công, khấu hao nhà xưởng máy móc...) Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần của MSH đạt 3.385 tỷ đồng, giảm -22,7% svck. LNST giảm -46,1% svck xuống còn 166 tỷ đồng. Với kết quả trên, MSH mới chỉ thực hiện được 60% kế hoạch doanh thu và 49% mục tiêu lợi nhuận trước thuế.
- ✓ **TNG:** CTCP Đầu tư và Thương mại TNG ghi nhận doanh thu thuần Quý 3 đạt 2.105 tỷ đồng, tăng +4,2% svck, và là mức cao nhất của Công ty kể từ khi niêm yết vào năm 2007. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp giảm từ mức 14,8% cùng kỳ xuống còn 13,8%. LNST của doanh nghiệp đạt 69 tỷ đồng, -34,5% svck. Lũy kế 9 tháng đầu năm, TNG ghi nhận doanh thu thuần 5.439 tỷ đồng, tăng +3,3 svck, TNG có được mức tăng trưởng nhờ doanh thu trong bối cảnh ngành dệt may khó khăn nhờ vào chiến lược kinh doanh tập trung vào những đơn hàng nhỏ lẻ; LNST của TNG đạt 171 tỷ đồng, giảm -26,1% svck. Với kết quả trên, TNG hoàn thành được 80% kế hoạch doanh thu và 57% kế hoạch LNST đã đề ra.

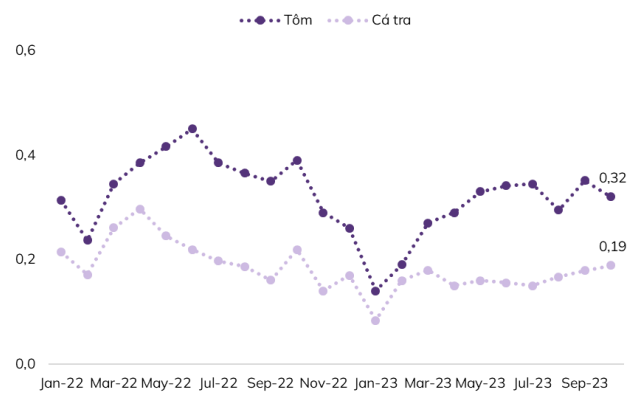
### NGÀNH THỦY SẢN

- ✓ **Hiệp hội Chế biến Thủy sản Mỹ (ASPA) đã nộp đơn lên Bộ Thương mại (DOC) khởi kiện chống bán phá giá với tôm từ Ecuador và Indonesia; đồng thời cũng khởi kiện chống trợ cấp (CVD) với tôm từ Ecuador, Indonesia, Ấn Độ và Việt Nam.** Quyết định có khởi xướng điều tra hay không sẽ được đưa ra trước ngày 15/11. ASPA ước tính biên độ bán phá giá của Ecuador lên tới 111% trong khi biên độ phá giá của Indonesia lên tới 37%. Trong trường hợp tôm của Ecuador và Indonesia phải chịu thuế chống bán phá giá, mức thuế có thể sẽ khiến các doanh nghiệp xuất khẩu tôm của 2 nước này chịu thua lỗ nghiêm trọng (do biên lợi nhuận ngành tôm chỉ ở mức 5%) và sẽ buộc phải rút khỏi thị trường Mỹ. Như vậy, đây sẽ là tin tức tích cực đối với tôm xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ do được giảm bớt áp lực từ các đối thủ cạnh tranh lớn tại thị trường này. Tuy nhiên, việc xuất khẩu tôm sang các thị trường lớn khác của Việt Nam như EU và Trung Quốc có thể chịu áp lực cạnh tranh gia tăng bởi nguồn cung từ các nước nói trên.
- ✓ **Xuất khẩu thủy sản tháng 10 đi ngang so với tháng 9.** Trong tháng 10/2023, kim ngạch xuất khẩu thủy sản ghi nhận đạt 863 triệu USD (-12% svck; +0,1% so với tháng 9). Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 10, tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 7,79 tỷ USD (-16,2% svck).
- ✓ **Xuất khẩu tôm và cá tra biến động ngược chiều trong tháng 10/2023.** Kim ngạch xuất khẩu tôm trong tháng 10 đạt 320 triệu USD (-18% svck; -8,8% so với tháng 9). Trong khi đó, xuất khẩu cá tra tiếp tục ghi nhận hồi phục so với tháng trước với kim ngạch đạt 189 triệu USD (-14% svck; +6% so với tháng 9).

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản theo tháng (tỷ USD)



Kim ngạch xuất khẩu tôm và cá tra theo tháng (tỷ USD)



Nguồn: Vasep, ABS Research

BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH THỦY SẢN

STT	MÃ CK	QUÝ 3/2023				9T/2023			
		DTT	%YOY	LNST	%YOY	DTT	%YOY	LNST	%YOY
1	ANV	1.099	-11,3%	1	-99,1%	3.328	-11,3%	42	-92,5%
2	IDI	1.749	-10,9%	23	-76,3%	5.338	-14,2%	68	-87,3%
3	FMC	1.793	2,3%	89	11,9%	3.835	-14,6%	213	-11,2%
4	MPC	2.993	-41,8%	-26	-107,8%	7.466	-46,2%	-114	-119,9%
	<b>Tổng</b>	<b>7.635</b>	<b>-24,4%</b>	<b>88</b>	<b>-86,1%</b>	<b>19.967</b>	<b>-29,5%</b>	<b>209</b>	<b>-89,1%</b>

Nguồn: Fiinpro, ABS Research

## NGÀNH CHĂN NUÔI

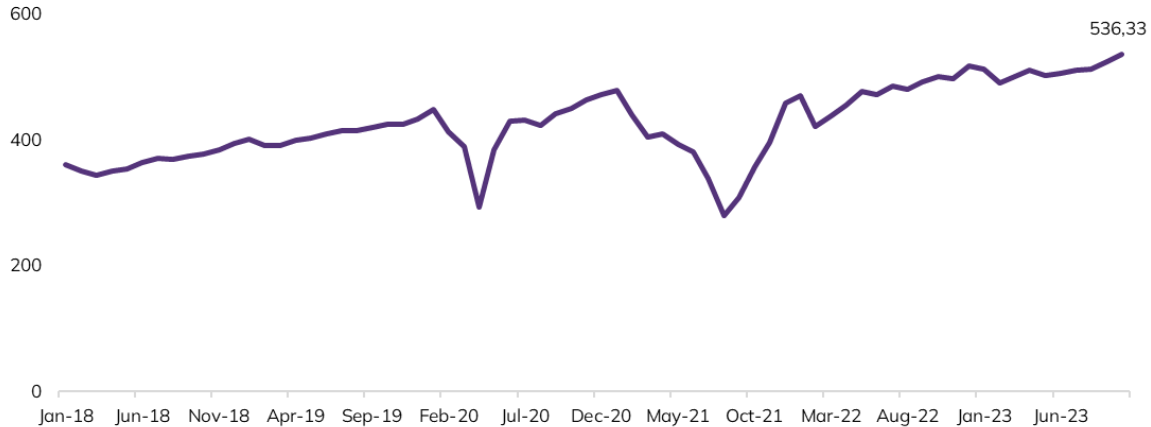
### Tin tức doanh nghiệp

- ✓ **BAF:** Doanh thu thuần và LNST của BAF Q3/2023 lần lượt đạt 1.219 tỷ đồng (-37% svck) và 39 tỷ đồng (-75% svck). KQKD ghi nhận suy giảm mạnh do ảnh hưởng bởi dịch bệnh và diễn biến tiêu cực của giá heo hơi trong quý này. Biên lợi nhuận gộp của BAF được cải thiện nhẹ từ mức 11,2% (Q3/2022) về mức 11,8% (Q3/2023). Như vậy, lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu của BAF đạt 3.625 tỷ đồng và LNST đạt 50,8 tỷ đồng, lần lượt đạt 52% và 17% kế hoạch năm.

## NGÀNH BÁN LẺ

- ✓ **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tiếp tục tăng trưởng.** Theo Tổng cục Thống kê, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 10/2023 ghi nhận đạt 536,3 nghìn tỷ đồng, tăng 2,2% so với tháng trước và tăng 7% so với cùng kỳ năm 2022. Như vậy, lũy kế 10 tháng năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước.

**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (nghìn tỷ đồng)**



Nguồn: GSO, ABS Research

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH BÁN LẺ**

STT	MÃ CK	QUÝ 3/2023				9T/2023			
		DTT	%YOY	LNST	%YOY	DTT	%YOY	LNST	%YOY
1	PNJ	6.918	-6,1%	253	0,4%	23.377	-8,6%	1.340	-0,1%
2	MWG	30.288	-5,4%	39	-95,7%	86.858	-15,5%	78	-97,8%
3	FRT	8.236	6,8%	-13	-115,3%	23.160	6,7%	-226	-174,9%
4	DGW	5.413	-10,8%	103	-42,7%	13.968	-22,3%	272	-48,4%
5	PET	4.254	-6,6%	51	-30,7%	13.026	1,5%	95	-46,5%
	<b>Tổng</b>	<b>55.108</b>	<b>-4,5%</b>	<b>433</b>	<b>-71,1%</b>	<b>160.389</b>	<b>-11,3%</b>	<b>1.558</b>	<b>-73,3%</b>

Nguồn: Fiiipro, ABS Research

**Tin tức doanh nghiệp**

- ✓ **MWG:** Doanh thu thuần và LNST của MWG Q3/2023 lần lượt đạt 30.288 tỷ đồng (-5,5% svck) và 39 tỷ đồng (-96% svck). Trong đó, doanh thu TGDD và ĐMX đạt 20.800 tỷ đồng (-14% svck; -4% QoQ). Chuỗi BHX đạt 8.600 tỷ đồng (+21% svck; +18% QoQ). Doanh thu TB/cửa hàng BHX trong tháng 9/2023 đạt 1,65 tỷ đồng. Kết quả tiêu cực chủ yếu đến từ chuỗi bán lẻ ICT do nhu cầu tiêu thụ phục hồi thấp hơn kỳ vọng và chiến lược giảm giá bán để cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành khiến lợi nhuận của MWG giảm mạnh svck. Như vậy, lũy kế 9 tháng đầu năm, MWG đạt 86.858 tỷ đồng doanh thu (đạt 64% kế hoạch năm) và LNST đạt 78 tỷ đồng (đạt 1,8% kế hoạch – còn cách rất xa số kế hoạch của MWG trong năm nay).
- ✓ **FRT:** Doanh thu thuần và LNST của FRT Q3/2023 lần lượt đạt 8.236 tỷ đồng (+7% svck) và tiếp tục ghi nhận lỗ sau thuế 13 tỷ đồng. Trong đó, chuỗi FPT Shop đạt 4.104 tỷ đồng (-47% svck; +14% QoQ). Chuỗi Long Châu tiếp tục ghi nhận sự tích cực với doanh thu Q3 đạt 4.189 tỷ đồng (+64% svck) và mở mới 447 cửa hàng trong 9 tháng đầu năm, nâng tổng số nhà thuốc Long Châu lên mức 1.384 cửa hàng. Như vậy, lũy kế 9 tháng đầu năm, FRT đạt 23.160 tỷ đồng doanh thu (+7% svck) nhưng vẫn ghi nhận lỗ lũy kế 226 tỷ đồng chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ suy yếu ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh của mảng ICT.

**NGÀNH DƯỢC**

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH DƯỢC**

STT	MÃ CK	QUÝ 3/2023				9T/2023			
		DTT	%YOY	LNST	%YOY	DTT	%YOY	LNST	%YOY
1	TNH	186	42,6%	49	10,4%	416	23,0%	111	12,5%
2	IMP	467	11,7%	70	24,9%	1.386	27,5%	227	46,6%
3	DBD	411	4,4%	67	24,5%	1.207	10,8%	210	27,6%
4	DHG	1.099	-5,4%	166	-36,7%	3.481	4,0%	790	5,1%
	<b>Tổng</b>	<b>2.164</b>	<b>2,8%</b>	<b>352</b>	<b>-15,5%</b>	<b>6.490</b>	<b>10,7%</b>	<b>1.338</b>	<b>14,4%</b>

Nguồn: Fiinpro, ABS Research

**Tin tức doanh nghiệp**

- ✓ **DBD:** Tổng doanh thu và LNST của DBD Q3/2023 lần lượt đạt 430 tỷ đồng (+5,7% svck) và 67 tỷ đồng (+24% svck). Trong đó, doanh thu bán dược phẩm sản xuất chiếm tỷ trọng cao nhất với 414 tỷ đồng (+5,8% svck, chiếm 96% doanh thu của DBD). Ngoài ra, mảng bán dược phẩm mua ngoài đạt 7,1 tỷ đồng (-24% svck); mảng bán vật tư y tế đạt 1,9 tỷ đồng (-10% svck); mảng bán bao bì/công cụ đạt 6,8 tỷ đồng (+89% svck). Biên lợi nhuận gộp của DBD giảm nhẹ từ mức 51% (Q3/2022) xuống còn 49% (Q3/2023). Như vậy, lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu DBD đạt 1.207 tỷ đồng (+11% svck) và LNST đạt 210 tỷ đồng (+27% svck), lần lượt hoàn thành 67% và 88% kế hoạch năm 2023.

**NGÀNH GẠO**

**Tin tức doanh nghiệp**

- ✓ **LTG:** CTCP Tập đoàn Lộc Trời báo lỗ kỷ lục trong quý 3 bất chấp giá gạo tăng cao. Doanh nghiệp ghi nhận doanh thu thuần Q3/2023 đạt 4.461 tỷ đồng, tăng +63% svck. Tuy nhiên, giá vốn (giá thóc đầu vào) tăng mạnh gần gấp đôi cùng kỳ khiến lợi nhuận gộp giảm -69% xuống còn 152 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp giảm từ mức 18% trong quý 3 năm trước về 3%. Điều đáng chú ý là chi phí lãi vay tăng mạnh +142% lên 268 tỷ đồng đã ăn mòn lợi nhuận của doanh nghiệp. LTG báo lỗ -327 tỷ đồng LNST, mức lỗ kỷ lục của doanh nghiệp trong một quý.  
Lũy kế 9 tháng đầu năm, LTG đạt 10.440 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng +18% svck, LNST chỉ đạt 19 tỷ đồng, giảm -91% svck.

**NGÀNH PHÂN BÓN**

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH PHÂN BÓN**

STT	MÃ CK	QUÝ 3/2023				9T/2023			
		DTT	%YOY	LNST	%YOY	DTT	%YOY	LNST	%YOY
1	DCM	3.011	-9,0%	74	-89,9%	9.036	-21,2%	614	-81,2%
2	DPM	3.216	-17,2%	64	-93,6%	10.187	-30,8%	425	-90,4%
3	LAS	811	35,4%	29	197,9%	2.891	19,2%	94	39,9%
4	BFC	2.709	16,1%	81	1.277,6%	6.386	-4,5%	84	-48,7%
5	DHB	1.138	-34,8%	(309)	N/A	3.224	-39,1%	(788)	N/A
	<b>Tổng</b>	<b>10.884</b>	<b>-7,9%</b>	<b>(61)</b>	<b>N/A</b>	<b>31.724</b>	<b>-21,9%</b>	<b>457</b>	<b>-95,2%</b>

Nguồn: Fiinpro, ABS Research

**Tin tức doanh nghiệp**

- ✓ **DPM:** Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí công bố BCTC quý 3/2023 với doanh thu 3.216 tỷ đồng, giảm -17,2% svck năm trước. DPM cho biết giá bán mặt hàng phân bón và hoá chất giảm so với cùng kỳ năm trước (đặc biệt giá bán Ure giảm -35% và giá bán NH3 giảm -59%), đồng thời giá khí tăng cao dẫn tới lợi nhuận giảm mạnh. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 38,3% trong cùng kỳ năm trước xuống còn 12,7%.  
Lũy kế 9 tháng, Đạm Phú Mỹ ghi nhận doanh thu thuần 10.187 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ chỉ đạt 425 tỷ đồng, lần lượt giảm -30,8% và -90,4% svck. Với kết quả trên, DPM mới hoàn thành được 59% kế hoạch doanh thu và 19% kế hoạch lợi nhuận năm 2023.

**NGÀNH CẢNG – VẬN TẢI BIỂN**

- ✓ **Giá cước nhiều biến động**
  - Chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) ngày 01/11 đóng cửa ở mức 1.487 điểm – tăng gấp đôi so với đầu tháng 9 sau 36 phiên xanh duy trì liên tiếp (từ mốc 740 điểm ngày 1/9). Trong khi đó, chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) chỉ dao động quanh mốc 800 điểm trong vòng 2 tháng qua. Việc gia tăng sản lượng dầu thô từ Iran, tạm thời dỡ bỏ/nới lỏng dần các lệnh trừng phạt, cấm vận đối với Venezuela sẽ giúp cước thuê tàu ảm dần lên. Cụ thể, hai phân khúc Aframax và Suezmax đang được hưởng lợi nhất khi thị trường có dấu hiệu chuyển hướng sang Mỹ và Châu Âu. Đồng thời, các nhà máy lọc dầu của Trung Quốc, nước tiêu thụ lượng lớn dầu thô từ Venezuela, cũng đang tìm thêm nguồn cung từ các quốc gia dầu mỏ khác như Colombia, Brazil và đây là tín hiệu tích cực cho phân khúc VLCC. Nhìn chung, thị trường sẽ xoay chuyển và phân bổ rộng hơn trong thời gian tới, cước thuê cũng có thể kỳ vọng tăng hơn nữa.
  - Ngược lại, ở mảng tàu hàng khô, kể từ sau khi vượt mốc tham chiếu 2.100 điểm ngày 18/10 thì thị trường trở nên tiêu cực và liên tục giảm, hiện chỉ còn 1.401 điểm. Kể từ đầu tháng 9, mất 48 ngày để chỉ số BDI (Baltic Dry Index) tích lũy từ mức 1.050 điểm lên 2.100 điểm, nên việc chỉ số bốc hơi nhanh chóng 30% giá trị sau 12 ngày là một sự thiệt hại lớn đối với các chủ tàu (dù hiện tại vẫn được xem là mức cao so với giai đoạn tháng 3-5 năm nay). Nguyên nhân chính là nền kinh tế vĩ mô lúc này chưa khả quan, lãi suất vay cao khiến nhiều hoạt động xây dựng trì trệ, làm cho nhu cầu thép, quặng, than giảm rõ rệt.



Nguồn: Investing

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH CẢNG VÀ VẬN TẢI BIỂN**

Mã CK	Quý 3/2023				9T/2023			
	DTT	%YOY	LNST	%YOY	DTT	%YOY	LNST	%YOY
VOS	715.87	56.28%	-23.33	-115.14%	2277.61	26.24%	50.81	-89.18%
VIP	132.69	-32.46%	22.93	-43.36%	423.79	-35.66%	85.27	4380.44%
PVT	2550.62	9.45%	249.19	-7.98%	6708.71	1.51%	740.20	17.41%
VSC	557.21	9.83%	32.53	-59.57%	1555.08	4.49%	81.36	-69.21%
HAH	681.36	-12.49%	105.70	-51.55%	1947.93	-17.47%	321.93	-51.06%
DVP	143.52	-1.79%	51.18	-45.24%	405.06	-9.08%	273.92	19.31%
GMD	997.92	0.60%	254.14	4.21%	2812.06	-1.32%	2106.72	161.29%
SGP	233.66	-10.69%	95.64	220.64%	673.47	-23.15%	228.99	20.69%
<b>Tổng</b>	<b>6012.85</b>	<b>6.03%</b>	<b>787.99</b>	<b>-30.34%</b>	<b>16803.71</b>	<b>-1.69%</b>	<b>3889.20</b>	<b>19.68%</b>

Nguồn: Fiiintrade, ABS Research

- ✓ **GMD:** GMD công bố BCTC Q3/2023 với doanh thu thuần đạt 998 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ, LNST công ty mẹ của doanh nghiệp này tăng nhẹ 4% lên 254 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu Gemadept đạt 2.812 tỷ đồng và LNST đạt 2.310 tỷ đồng, lần lượt giảm -1.32% và tăng 161.3% so với cùng kỳ năm trước. Theo Gemadept, kết quả kinh doanh tích cực đến từ hoạt động khai thác cảng, logistics trong 9 tháng đầu năm tăng so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, công ty còn ghi nhận khoản tiền từ việc bán Cảng Nam Hải Đình Vũ và lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết. Năm 2023, Gemadept lên kế hoạch kinh doanh đầy tham vọng với doanh thu hợp nhất 3.920 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.136 tỷ đồng. Với kết quả trên, công ty thực hiện được 72% doanh thu và vượt 154% chỉ tiêu lợi nhuận sau 9 tháng đầu năm.
- ✓ **HAH:** HAH công bố BCTC Q3/2023 ghi nhận doanh thu thuần đạt 681 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ năm trước, LNST giảm 52% xuống còn gần 106 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, HAH đạt 1.948 tỷ đồng doanh thu, giảm 17% và LNST 319 tỷ đồng, giảm 63% so với cùng kỳ đầu năm ngoái. Theo giải trình từ phía công ty, LNST của Công ty giảm mạnh do sản lượng vận chuyển và giá cước biển giảm, giá cho thuê tàu giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, chi phí cho đội tàu tăng do tăng thêm tàu HA Rose vào tháng 11/2022 dẫn tới lợi nhuận hoạt động khai thác tàu giảm mạnh. Đồng thời, Hải An còn ghi nhận lỗ kinh doanh từ công ty liên doanh Zim Hải An do mới thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 3/2023. Năm 2023, Hải An đặt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất đạt 2.960 tỷ đồng và LNST đạt 492 tỷ đồng, với kết quả trên, công ty đã hoàn thành 65% mục tiêu lãi cả năm.



- ✓ **PVT:** PVT công bố BCTC Q3/2023 với doanh thu thuần và LNST lần lượt là 2.551 tỷ đồng (+9,48% svck) và 249 tỷ đồng (-7,98% svck). Lợi nhuận sụt giảm so với cùng kỳ do năm ngoái ghi nhận lãi đột biến từ thanh lý tàu PVT Athena khoảng 211 tỷ, trong khi năm nay phần lớn chỉ dựa vào hoạt động kinh doanh cốt lõi. Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần và LNST lần lượt đạt 6708.7 tỷ đồng (+1.5% svck) và 740.2 tỷ đồng (+17.41% svck), kết quả cải thiện rõ rệt khi tận dụng tối đa hiệu quả kinh doanh của các tàu vận tải xăng dầu thành phẩm hóa chất trong môi trường giá cước cao. Công ty cũng đã hoàn thành 89% kế hoạch doanh thu và vượt 80% kế hoạch LNST của năm 2023.
- ✓ **VSC:** Kết quả kinh doanh Q3/2023 ghi nhận doanh thu thuần và LNST lần lượt đạt 557.2 tỷ đồng (+9.83% svck) và 32.53 tỷ đồng (-59.57% svck). Lũy kế 9 tháng đầu năm kết quả doanh thu đạt được 1555.08 tỷ đồng (+4.49% svck) và LNST đạt 81.36 tỷ đồng (-69.21% svck). Như vậy, doanh nghiệp mới hoàn thành khoảng 40% kế hoạch năm 2023 sau 3 quý. Lý giải cho nguyên nhân giảm LNST là do chi phí lãi vay trong kỳ của công ty tăng vọt từ 18 triệu đồng lên 57 tỷ đồng ngay sau thương vụ mua lại cảng Nam Hải Đình Vũ cùng các đối tác. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng.

## NGÀNH NƯỚC

**BẢNG: KQKD Q3/2023 VÀ 9T/2023 CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH NƯỚC**

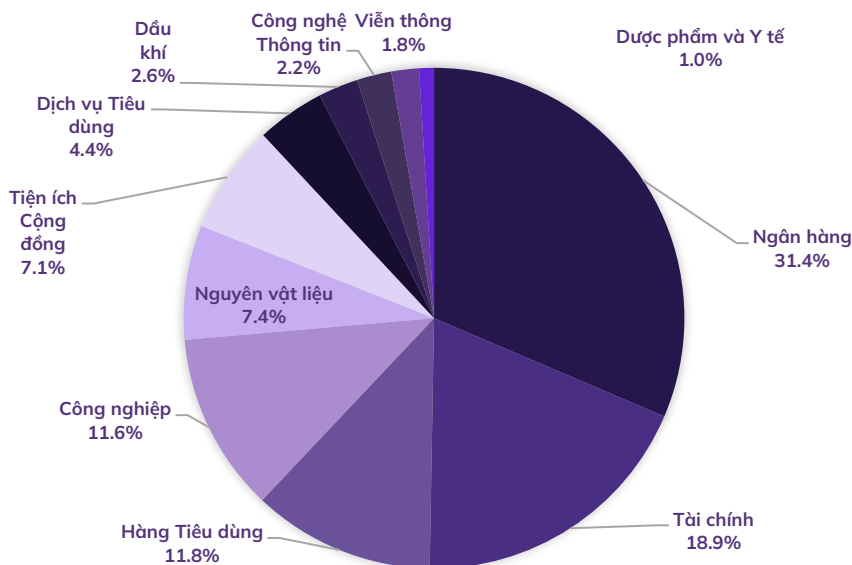
Mã CK	Quý 3/2023				9T/2023			
	DTT	%YOY	LNST	%YOY	DTT	%YOY	LNST	%YOY
BWE	840.49	-2.30%	176.97	-9.96%	2398	-1.74%	526.75	-8.41%
DNW	293.55	-6.80%	78.59	29.41%	894.26	-2.04%	258.74	-19.44%
<b>Tổng</b>	<b>1134.04</b>	<b>-3.51%</b>	<b>255.56</b>	<b>-0.67%</b>	<b>3292.26</b>	<b>-1.82%</b>	<b>785.49</b>	<b>-12.36%</b>

Nguồn: Fiiitrade, ABS Research

- ✓ **BWE:** Kết quả kinh doanh Q3/2023 của BWE ghi nhận doanh thu và LNST lần lượt đạt 840.49 tỷ đồng (-2.3% svck) và 176.97 tỷ đồng (-9.96% svck). Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu đạt 2398 tỷ đồng (-1.74% svck) và LNST đạt 526.75 tỷ đồng (-8.41% svck), lần lượt đạt 66% và 68% so với kế hoạch đề ra đầu năm 2023. Công ty cho biết kết quả này chưa ghi nhận doanh thu 110 tỷ đồng từ lĩnh vực xử lý chất thải. Tổng công suất 9 tháng đạt 822 nghìn/m<sup>3</sup>, vượt 8% so với năm ngoái, sản lượng nước tiêu thụ vượt 1% đạt 137 triệu m<sup>3</sup>. Cơ cấu doanh thu chủ yếu từ doanh thu bán hàng tăng do ghi nhận thêm doanh thu đến từ CTCP Cấp thoát nước Long An và CTCP Cấp nước Cần Thơ 2.
- ✓ **DNW:** Kết quả kinh doanh Q3/2023 của DNW ghi nhận doanh thu và LNST đạt lần lượt 293.5 tỷ đồng (-6.8% svck) và 78.6 tỷ đồng (+29.41% svck). Nguyên nhân đến từ giá vốn và chi phí trong kỳ đồng loạt giảm mạnh. Lũy kế 9 tháng, DNW đạt 894 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 2% svck. Lãi ròng 259 tỷ đồng, giảm đến 19%, nguyên nhân phần lớn đến từ việc khoản lãi chênh lệch tỷ giá giảm từ 137 tỷ đồng của cùng kỳ năm trước xuống còn 33 tỷ đồng kỳ này. Sau 9 tháng, DNW thực hiện 87% chỉ tiêu doanh thu và hơn 90% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

**SỐ LIỆU THỊ TRƯỜNG**

**Vốn hóa thị trường theo ngành (%)**



**Biến động giá tuần qua (%)**

Ngành	Biến động
<b>VNINDEX</b>	<b>1,52%</b>
Viễn thông	2,54%
Dược phẩm và Y tế	1,93%
Công nghiệp	1,91%
Nguyên vật	1,63%
Hàng Tiêu dùng	1,00%
Công nghệ Thông tin	0,71%
Tiện ích Cộng đồng	0,66%
Tài chính	0,30%
Ngân hàng	0,04%
Dịch vụ Tiêu dùng	-0,01%
Dầu khí	-4,16%

Nguồn: HSX, ABS Research

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.



## Thông tin liên hệ

### Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

### Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: [abs-research@abs.vn](mailto:abs-research@abs.vn)

Năng lượng, Xây lắp, VLXD

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

Vĩ mô, Tài chính

Lê Thu Huyền - Chuyên viên

Email: [huyen.lethu@abs.vn](mailto:huyen.lethu@abs.vn)

Bán lẻ, Thực phẩm, Hàng tiêu dùng

Nguyễn Phương Thảo - Chuyên viên

Email: [thao.nphuong@abs.vn](mailto:thao.nphuong@abs.vn)

Hóa chất, Dệt may, Hàng công nghiệp

Trịnh Thu Trang - Chuyên viên

Email: [trang.trinhthu@abs.vn](mailto:trang.trinhthu@abs.vn)

BDS dân cư, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: [linh.ngthithuy@abs.vn](mailto:linh.ngthithuy@abs.vn)

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: [luu.dangxuan@abs.vn](mailto:luu.dangxuan@abs.vn)

PTKT và Chiến lược thị trường

Đỗ Thành Trung – Phó Giám đốc

Email: [trung.dothanh@abs.vn](mailto:trung.dothanh@abs.vn)

Tài chính, BĐS KCN, Cao su

Lê Quang Trung - Chuyên viên

Email: [trung.lequang@abs.vn](mailto:trung.lequang@abs.vn)

Logistics, Công nghệ

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: [anh.buiminh@abs.vn](mailto:anh.buiminh@abs.vn)